

Bản án số: 59/2025/HNGĐ -ST

Ngày: 29-8-2025

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thuý An**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông **Nguyễn Trọng Khôi**.

2/ Bà **Nguyễn Thị Bé Ngoan**.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Ngọc Thơ** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Bà **Huỳnh Thị Trúc Ly** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 153/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1991. (vắng mặt)

2. **Bị đơn:** Anh **Lê Văn N**, sinh năm 1988. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long (ấp N, xã T, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long cũ).

3. **Người làm chứng:** Ông **Lê Văn S**, sinh năm 1949. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long (ấp N, xã T, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long cũ).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 10/3/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Văn N thành hôn có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thới Hoà, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 07/10/2014. Thời gian chung sống lúc đầu có hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự

cải, sống không có tiếng nói chung và vợ chồng ly thân khoảng hơn 02 năm nay không hàn gắn được. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Lê Văn N.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị Tường V, sinh ngày 22/8/2014 và Lê Thị Mai P, sinh ngày 11/01/2018 hiện đang sống chung với anh N, chị đồng ý để anh N tiếp tục nuôi 02 con chung, chị cấp dưỡng nuôi con chung Lê Thị Mai P mỗi tháng 2.000.000đ đến khi Mai P đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 03/8/2025, bị đơn anh Lê Văn N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Giữa anh và chị Nguyễn Thị H thành hôn có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hoà Bình, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 07/10/2014. Thời gian chung sống lúc đầu có hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, sống không hợp nhau, vợ anh bỏ đi từ năm 2022 và vợ chồng ly thân từ đó đến nay không hàn gắn lại được. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị Tường V, sinh ngày 22/8/2014 và Lê Thị Mai P, sinh ngày 11/01/2018 hiện đang sống chung với anh, anh đồng ý nuôi con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 04/8/2025, người làm chứng ông Lê Văn S trình bày: Ông là cha ruột của anh Lê Văn N. Giữa chị H và anh N thành hôn có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi thành hôn thì vợ chồng chị H, anh N đi làm ăn một thời gian thì quay về nhà ông sinh sống rồi lại tiếp tục đi làm. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh N do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi và đã ly thân khoảng 02 năm nay, gia đình ông đã tạo điều kiện để anh N, chị H hàn gắn nhưng không thành. Về con chung của chị H và anh N có 02 con chung hiện đang sống chung với anh N và gia đình ông, cuộc sống của các cháu đảm bảo, các cháu phát triển tốt. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng chị H và anh N ông không biết.

### **Ý kiến của Viện kiểm sát:**

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Về trình tự, thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt không lý do dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, văn bản tố tụng là vi phạm quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người làm chứng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Lê Văn N. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao 02 con chung tên Lê Thị Tường V, sinh ngày 22/8/2014 và Lê Thị Mai P, sinh ngày 11/01/2018 cho anh Lê Văn N tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Lê Thị Mai P 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*)/tháng đến khi cháu Mai P đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng từ ngày 29/8/2025. Chị Nguyễn Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H, anh N mỗi người nộp 75.000đ (*Bảy mươi lăm ngàn đồng*) án phí ly hôn, chị H nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012086 ngày 01/4/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, chị H đã nộp đủ án phí cấp dưỡng nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về tố tụng:**

**[1.1]** Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long) giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh Lê Văn N cư trú ấp N, xã T, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long (Nay là ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long). Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long.

**[1.2]** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có đơn xin vắng mặt ngày 03/8/2025, bị đơn anh Lê Văn N được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ hai không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

**[1.3]** Người làm chứng ông Lê Văn S vắng mặt tại phiên tòa nhưng ông S đã có lời khai trực tiếp với Tòa án và xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người làm chứng.

#### **[2] Về nội dung:**

### **[2.1] Về hôn nhân:**

Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn N thành hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thới Hoà, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số 68 vào ngày 07/10/2018 nên xem quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh N là hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống vợ chồng giữa chị H và anh N thời gian đầu sống hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và vợ chồng ly thân hơn 02 năm nay không hàn gắn được. Sau khi Tòa án thụ lý đã ra giấy triệu tập họp lệ đề Toà án hoà giải giúp đỡ đoàn tụ nhưng anh N vắng mặt không lý do, chị H có anh N có bản tự khai xác định tình cảm vợ chồng không còn, đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H. Như vậy cho thấy tình cảm giữa chị H và anh N không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của chị H là có cơ sở phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

**[2.2] Về con chung:** Xét thấy 02 con chung tên Lê Thị Tường V, sinh ngày 22/8/2014 và Lê Thị Mai P, sinh ngày 11/01/2018 hiện đang sống với anh N, cuộc sống của cháu cũng đảm bảo. Chị H đồng ý giao 02 con chung cho anh N nuôi dưỡng, chị H cấp dưỡng nuôi con chung Lê Thị Mai P 2.000.000đ/tháng đến khi cháu Mai P đủ 18 tuổi. Anh N đồng ý nuôi con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Xét 02 chung của chị H và anh N đều có nguyện vọng sống chung với anh N và nhằm để bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống của các con. Hội đồng xét xử xét giao 02 con chung cho anh Lê Văn N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Lê Thị Mai P 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*)/tháng. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày 29/8/2025 cho đến khi con chung Lê Thị Mai P đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

**[2.3] Về tài sản chung, nợ chung:** Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

**[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm:** Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn và 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại Điều 6; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**[2.5]** Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về quan hệ hôn nhân, về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung và áp phí cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ, phù hợp theo quy định của pháp luật nên chấp nhận. Đối với đề nghị án phí ly hôn là chưa đủ cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, đây thuộc trường hợp Hội đồng xét xử chấp nhận cho ly hôn chứ không phải thuận tình ly hôn, mặc dù nguyên đơn, bị đơn đã có bản khai ý kiến đồng ý ly hôn nhưng nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn được triệu tập để tham gia phiên toà nhưng vắng mặt và theo quy định tại Điều 70, Điều 243 của Bộ luật Tố tụng

dân sự thì tại phiên toà các đương sự vẫn có quyền thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu. Mặt khác Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Lê Văn N. Do đó không thể xác định đây thuộc trường hợp thuận tình ly hôn nên không áp dụng điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H. Xử cho chị H ly hôn với anh Lê Văn N.

#### **2. Về con chung:**

Giao 02 con chung tên Lê Thị Tường V, sinh ngày 22/8/2014 và Lê Thị Mai P, sinh ngày 11/01/2018 cho anh Lê Văn N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Lê Thị Mai P 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày 29/8/2025 cho đến khi con chung Lê Thị Mai P đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

**3. Về tài sản chung, nợ chung:** Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn N không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

**4. Về án phí dân sự sơ thẩm:** Buộc chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn và 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng buộc chị H phải nộp 600.000đ (Sáu trăm ngàn đồng). Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị H đã nộp theo biên lai thu số 0012086 ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn. Còn lại 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) buộc chị H có nghĩa vụ nộp tiếp.

**5. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 4 – Vĩnh Long;
- THADS khu vực 4 – Vĩnh Long;
- UBND xã Vĩnh Xuân, tỉnh Vĩnh Long  
(Giấy chứng nhận kết hôn số 68 ngày 07/10/2014);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Thuý An**